

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77 /BC-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm;
nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026**

VP. ĐOÀN ĐBQH & HĐND. T. BẮC NINH

ĐẾN

Số: 14574

Ngày: 14/7/2026

Chuyển: TL Xy hợp 6 HĐND tỉnh

Số và ký hiệu HS:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xung đột tại khu vực Trung Đông leo thang, giá năng lượng và chi phí vận tải tăng cao, tác động đến chuỗi cung ứng, thương mại và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Ở trong nước và trên địa bàn tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy và UBND tỉnh, các cấp, các ngành tỉnh Bắc Ninh đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trên nhiều lĩnh vực; tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành gắn với phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý các tồn tại, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển nhà ở xã hội và các công trình hạ tầng trọng điểm.

Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực; các cân đối lớn được bảo đảm, hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì đà phục hồi và tăng trưởng, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo nền tảng quan trọng để phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, song kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Tốc độ tăng trưởng GRDP quý I năm 2026 tăng 9,88%, quý II ước tăng 11,14%; tính chung 6 tháng đầu năm ước tăng **10,56%**, đứng **thứ 6** cả nước, thuộc nhóm **9 địa phương** đạt mức tăng trưởng 2 con số. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu với mức tăng 12,55% (*công nghiệp tăng 12,73%; xây dựng tăng 8,78%*); khu vực dịch vụ tăng 8,18%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,14%.

Quy mô GRDP (*giá hiện hành*) ước đạt 273.410 tỷ đồng, bằng 46% kế hoạch. Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự dịch chuyển tích cực, đúng định hướng, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Khu vực công nghiệp - xây dựng

tiếp tục đóng vai trò chủ lực; ngành dịch vụ phát triển nhanh và ngày càng giữ vai trò quan trọng hơn, tương xứng với tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa (*Công nghiệp - xây dựng chiếm 70,1%; dịch vụ chiếm 20,3%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6,9%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm xấp xỉ 2,7%*).

2. Công nghiệp - Xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất (IIP) 6 tháng ước tăng **19,51%** so với cùng kỳ¹. Trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thì ngành sản xuất sản phẩm điện tử chiếm tỷ trọng cao nhất, tăng gấp hơn 2 lần so cùng kỳ năm trước nhờ sự tăng sản lượng lớn của các công ty lớn như: Công ty Fukang, Canon, Fuhong, New Wing²... Các sản phẩm chủ lực có mức tăng mạnh, như: Thiết bị bán dẫn khác sản lượng ước đạt 338.821,17 nghìn cái, bằng 5,03 lần so với cùng kỳ năm trước (*do năm 2026 DN mở rộng quy mô sản xuất, sản lượng sản xuất tăng từ tháng 1/2026 đến nay*); Điện thoại thông minh có giá từ 6 đến 10 triệu sản lượng ước đạt 2.038,95 nghìn cái, bằng 2,19 lần. Thiết bị ngoại vi nhập, xuất khác sản lượng ước đạt 433.066,67 nghìn cái, tăng 59,81%; Máy tính xách tay, kể cả notebook và subnotebook sản lượng ước đạt 7.031,78 nghìn cái, tăng 13,47%; Đồng hồ thông minh có giá từ 3 đến 6 triệu ước sản lượng đạt 8.753,45 nghìn cái tăng 10,97% so cùng kỳ.

Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm toàn tỉnh (*giá hiện hành*) ước đạt **1,6 triệu tỷ đồng**, tăng 16,17%. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 8.262 tỷ đồng, tăng 27,08%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 94.036 tỷ đồng, tăng 9,98%; khu vực FDI ước đạt trên 1,5 triệu tỷ đồng, tăng 16,59%.

2.2. Xây dựng

Hoạt động xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở tiếp tục được quan tâm, triển khai đồng bộ, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng không gian đô thị³. Giá trị sản xuất toàn ngành 6 tháng đầu năm toàn tỉnh (*giá hiện hành*) ước đạt **41.362 tỷ đồng**, bằng 33% kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh, xây dựng Đề án công nhận đô thị Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I; rà soát, đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị và lập hồ sơ công nhận các phường đạt trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại II. Cùng với đó, tỉnh đã khẩn trương chuẩn bị đầy đủ các nội dung, hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị về chủ trương xây dựng và phát triển tỉnh Bắc Ninh trở thành

¹ Trong đó, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải ước tăng 26,73%, ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 19,60%, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước tăng 11%.

² Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Canon Việt Nam - Nhà Máy Quế Võ: Sản phẩm Máy in-copy, in băng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng, khối lượng sản xuất 6 tháng năm 2026 ước đạt 2.721,93 nghìn cái, gấp 1,24 lần so cùng kỳ; Công ty Fukang Sản phẩm Máy tính xách tay, kể cả notebook và subnotebook, khối lượng sản xuất 6 tháng 2026 ước đạt 7.031,77 nghìn cái, gấp 1,14 lần so cùng kỳ; Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn FUHONG PRECISION COMPONENT (BẮC GIANG): Sản phẩm Thiết bị ngoại vi nhập, xuất khác, 6 tháng 2026 ước đạt 129.829,28 nghìn cái, gấp 1,1 lần so cùng kỳ; ...

³ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 13/02/2026 thực hiện Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; HĐND tỉnh đã thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/6/2026; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 1290-CV/TU ngày 12/6/2026 về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nhà ở cho thuê trên địa bàn tỉnh

thành phố trực thuộc Trung ương theo đúng định hướng, lộ trình đã đề ra. Triển khai Kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng về phát triển nhà ở cho thuê⁴.

Các công trình, dự án đầu tư và khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư mới, khu nhà ở,... được tập trung triển khai. Việc công bố giá vật liệu theo thời điểm biến động được quan tâm⁵, giúp các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp xác định chi phí đầu tư sát với thực tế. Trước những khó khăn về nguồn cung và giá vật liệu xây dựng, các doanh nghiệp đã chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tìm kiếm nguồn cung thay thế, duy trì ổn định hoạt động thi công và đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai 102 dự án nhà ở xã hội với tổng quy mô khoảng 117.000 căn hộ⁶, 47 dự án nhà ở thương mại, 182 dự án khu đô thị, khu dân cư. Công tác quy hoạch, quản lý kiến trúc được tăng cường. Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thẩm định 09 Nhiệm vụ quy hoạch, 17 đồ án quy hoạch và 07 hồ sơ cắm mốc quy hoạch... Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thành lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh, làm nền tảng thực hiện mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nhìn chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt **33.294 tỷ đồng**, bằng 52,95% kế hoạch. Lĩnh vực lâm nghiệp được chú trọng phát triển toàn diện; công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng được triển khai đồng bộ, việc khai thác gỗ đến kỳ bảo đảm đúng quy trình, góp phần phát huy hiệu quả kinh tế rừng. Hoạt động nuôi trồng thủy sản tiếp tục khởi sắc, đạt nhiều kết quả tích cực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của ngành; cụ thể trên các lĩnh vực:

Trồng trọt: Các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Xuân năm 2026, bảo đảm đúng tiến độ thời vụ, cơ cấu giống và diện tích theo kế hoạch đề ra. Đến nay, các địa phương cơ bản hoàn thành thu hoạch, năng suất và sản lượng nhiều loại cây trồng chủ lực duy trì ổn định⁷. Công tác phòng, chống sâu bệnh, điều tiết nước tưới, tiêu và hướng dẫn kỹ thuật được triển khai kịp thời, góp phần hạn chế

⁴ Tại thông báo số 64-TB/VPTW ngày 22/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng và Thông báo số 286/TB-VPCP ngày 04/6/2026 của Văn phòng Chính phủ.

⁵ Ban hành 03 Công bố giá vật liệu xây dựng theo tháng, quý.

⁶ Có 31 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng khoảng 24.000 căn hộ; 71 dự án đang triển khai xây dựng với quy mô khoảng 94.000 căn hộ.

⁷ Cây lúa: Tổng diện tích gieo cấy vụ Xuân 71.991 ha, bằng 96,8% so với cùng kỳ (CK), đạt 48,6% kế hoạch năm (KH năm), năng suất ước đạt 64,0 tạ/ha (tăng 0,5 tạ/ha so với CK); sản lượng ước đạt 460.742 tấn, bằng 97,5% CK, đạt 53,7% KH năm; (Trong đó: Lúa chất lượng diện tích đạt 44.400 ha, bằng 92,7% CK, đạt 45,4% KH năm, sản lượng ước đạt 268.660 tấn, bằng 93,4% CK, đạt 48,8% KH năm); Cây ngô: Diện tích 8.193 ha, bằng 97,5% so CK, đạt 78,0% KH năm; năng suất ước đạt 44 tạ/ha (tăng 0,1 tạ/ha so với CK); sản lượng ước đạt 36.050 tấn, bằng 98,5% so CK, đạt 78,0% KH năm; Cây có củ (Cây khoai lang): Diện tích 3.094 ha, bằng 100,1% so CK, đạt 87,2% so KH năm; sản lượng ước đạt 37.773 tấn, bằng 101,0% so CK, đạt 92,4% so KH năm; Rau các loại (tính cả khoai tây): Diện tích 26.466 ha, bằng 96,7% so CK, đạt 85,4% so KH năm; sản lượng ước đạt 538.420 tấn, bằng 97,6% so CK, đạt 86,8% so KH năm. Trong đó: Diện tích rau chế biến, rau an toàn 8.150 ha, bằng 96,1% so CK, đạt 50,0% so KH năm; sản lượng ước đạt 171.150 tấn, bằng 101,9% so CK, đạt 51,9% so KH năm...

thiệt hại do thời tiết bất lợi. Trên cơ sở kết quả đạt được, các địa phương đang khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai sản xuất vụ Mùa năm 2026, bảo đảm đúng khung thời vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp⁸.

Vụ sản xuất vải thiều năm 2026 diễn ra trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, ảnh hưởng đến quá trình ra hoa, đậu quả nên năng suất và sản lượng giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nhờ chủ động áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và quản lý quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng vải thiều tiếp tục được nâng cao, mẫu mã đẹp, quả đồng đều, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Công tác xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ được triển khai đồng bộ, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao giá trị kinh tế cho người trồng vải. Năm 2026, diện tích trồng vải là 29.800 ha, bằng 100,3% so cùng kỳ, đạt 100% so kế hoạch năm; sản lượng vải chung toàn tỉnh ước đạt khoảng 130.000 tấn, đạt 78,1% so với kế hoạch năm; trong đó: diện tích vải sớm 8.200 ha, sản lượng ước đạt 50.000 tấn; vải chính vụ 21.600 ha, sản lượng khoảng 77.000 tấn.

Chăn nuôi, thủy sản: Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được quan tâm thực hiện; chuẩn bị đầy đủ vắc xin thực hiện tiêm phòng vắc xin đại trà cho đàn gia súc, gia cầm năm 2026⁹; triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường đợt 1/2026 và thường xuyên triển khai tiêu độc khử trùng tại môi trường chăn nuôi, vùng xung quanh, tại nơi có nguy cơ cao, ổ dịch cũ, tại các chợ¹⁰. Tổng sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 206,3 nghìn tấn bằng 104,5% so với cùng kỳ, đạt 52,2% kế hoạch năm. Sản xuất thủy sản tương đối thuận lợi, các cơ sở sản xuất giống, nuôi thương phẩm tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho sản xuất thủy sản, nhất là đàn cá bố mẹ trong tỉnh; Sản lượng thu hoạch cá thương phẩm ước đạt 53.666 tấn, bằng 106,9% so với cùng kỳ, đạt 51,1% so với kế hoạch (*sản lượng nuôi 51.714 tấn, khai thác 1.952 tấn*); giá cá bình quân đạt 50 nghìn đồng/kg.

Lâm nghiệp: Công tác trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán được quan tâm, đạt kết quả khá. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 76-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Các địa phương tích cực trồng cây phân tán, lũy kể đến nay toàn tỉnh trồng được 2,5 triệu cây phân tán (*đạt 116,7% kế hoạch*) và 8.500ha rừng tập trung, đạt 85% kế hoạch; 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã khai thác 7.220 ha rừng trồng tập trung tổng sản lượng 981.527 m³ (*gỗ lớn 471.132 m³, chiếm 48%*) đạt 98,1% so với Kế hoạch, khai thác từ cây trồng phân tán được 32.600 m³. Sản lượng gỗ bình quân 136 m³/ha/5 năm. Các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương đã tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ xâm hại tài nguyên rừng. Nhờ đó, trên địa bàn tỉnh

⁸ Kế hoạch diện tích gieo trồng vụ mùa 89.355 ha. Trong đó: Cây lúa diện tích 74.500 ha; Cây ngô 3.200 ha; Cây lạc 1.720 ha; Cây đậu tương 515 ha; Rau các loại 7.350 ha; Cây khác (sản, cây công nghiệp, cây dược liệu,...): 2.070 ha. Tính hết ngày 11/6/2026: Diện tích gieo mạ 74 ha, gieo cấy 05 ha.

⁹ Kết quả 6 tháng đầu năm 2026 đã tiêm được 39,9 triệu liều vắc xin các loại, đã cấp phát cho 77/99 xã, phường với 6.783.000 liều Cúm gia cầm và 203.640 liều Đại động vật..

¹⁰ Kết quả, 6 tháng đầu năm đã sử dụng 70.391 lít hóa chất (trong đó ngân sách tỉnh cấp phát 23.725 lít) và 542 tấn vôi bột thực hiện tiêu độc khử trùng môi trường

không phát sinh vụ việc phá rừng trái pháp luật và không xảy ra cháy rừng nghiêm trọng, góp phần bảo vệ vững chắc diện tích rừng hiện có, duy trì ổn định môi trường sinh thái và bảo đảm an ninh, an toàn rừng¹¹.

Thủy lợi, đề điều phòng chống thiên tai: Các đơn vị, địa phương đã triển khai các giải pháp đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ sản xuất vụ xuân và vụ mùa 2026. Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. UBND tỉnh đã ban hành Đề án tu bổ, nâng cấp và đầu tư xây dựng hệ thống công trình đề điều, thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030. Đôn đốc các địa phương, đơn vị xử lý các vi phạm về thủy lợi, đề điều; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp về đề điều, thủy lợi, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phát huy hiệu quả phòng, chống thiên tai. Cùng với đó, các phương án, lực lượng, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được chủ động chuẩn bị, sẵn sàng tổ chức trực ban, ứng trực 24/24 giờ trước và trong mùa mưa bão năm 2026 nhằm kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

4. Dịch vụ

Các ngành dịch vụ duy trì hoạt động ổn định. Việc tiêu thụ, lưu thông hàng hóa và nông sản thuận lợi; hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh cơ bản duy trì ổn định, bảo đảm nguồn cung phục vụ nhu cầu của người dân, không phát sinh tình trạng găm hàng, tuy nhiên giá cả có xu hướng tăng cao so với cùng kỳ; đồng thời các cấp, các ngành thực hiện nghiêm Công điện số 25/CĐ-TTg ngày 21/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp quản lý, bình ổn giá nhiên liệu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa 06 tháng đạt **58.859,9 tỷ đồng**, tăng 17,24% so với cùng kỳ; các ngành dịch vụ đều tăng trưởng, trong đó nổi bật là một số lĩnh vực có mức tăng khá cao so với cùng kỳ như: dịch vụ lưu trú tăng 34,44%, dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 26,19%, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 23,23%.

a) Phát triển thương mại nội địa, quốc tế

Hoạt động thương mại nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Hệ thống phân phối hàng hóa được phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ với mạng lưới chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại và các kênh bán hàng trực tuyến. Tỉnh đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hưởng ứng cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, đồng thời tăng cường quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn giá cả và kiểm soát chất lượng hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển

¹¹ Từ đầu năm đến nay, tình hình rừng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định (toàn tỉnh xa 01 vụ chặt phá rừng, diện tích 0,4 ha; so với cùng kỳ năm 2025, giảm 7 vụ = 87,5%, diện tích bị phá giảm 1,45 ha = 78%). xảy ra 03 vụ cháy rừng, tổng diện tích bị cháy là 3,2 ha rừng các loại (phường Đào viên 01 vụ/0,4 ha; xã Tuấn Đạo 01 vụ/1,3 ha; xã Cẩm Lý 01 vụ/1,5 ha), cả 03 vụ đều không làm thiệt hại đến cây rừng. So với cùng kỳ năm 2025 giảm 44 vụ (giảm 93,6%), tổng diện tích bị cháy giảm 279,1 ha (giảm 98,9%), tổng diện tích bị thiệt hại giảm 43,0 ha. Khi xảy ra cháy rừng chính quyền địa phương đã huy động được 148 lượt người tham gia chữa cháy.

thương mại nội địa bền vững.

Công tác hỗ trợ xúc tiến, tiêu thụ vải thiều được triển khai quyết liệt với sự tham gia, đồng hành tích cực của các cấp chính quyền. Tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các sản phẩm nông sản, chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP tỉnh Bắc Ninh năm 2026 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với sự tham gia của đại diện các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp, thương nhân nhập khẩu vải thiều của một số tỉnh Trung Quốc cũng như các doanh nghiệp, tập đoàn bán lẻ, hệ thống siêu thị, chợ đầu mối, sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp logistics, chuyển phát nhanh; người sáng tạo nội dung số; các Doanh nghiệp, HTX trong và ngoài tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh và lãnh đạo Sở Công Thương đã trực tiếp tham gia các phiên livestream quảng bá, bán vải thiều cùng các TikToker, KOLs, KOC nổi tiếng trên nền tảng thương mại điện tử như TikTok Shop..., với sự đồng hành của Viettel Post, Neo Wave... góp phần nâng cao hiệu quả quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ và đưa hình ảnh vải thiều của tỉnh đến gần hơn với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Nhờ đó, kết quả tiêu thụ vải thiều đến nay đạt khá, thị trường tiêu thụ thuận lợi, giá bán ổn định, bảo đảm hiệu quả sản xuất cho người trồng vải. Tính đến 30/6/2026, toàn tỉnh đã tiêu thụ khoảng **126.445 tấn** vải thiều (*trong đó: Vải sớm tiêu thụ ước đạt khoảng 50.725 tấn; vải chính vụ sản lượng tiêu thụ ước đạt khoảng 75.720 tấn*)¹². Giá vải thiều chính vụ tiếp tục duy trì ổn định ở mức cao với giá bán dao động từ **60-80.000 đồng/kg**; doanh thu từ vải thiều ước đạt khoảng **8.661 tỷ đồng** (*trong đó doanh thu từ vải thiều khoảng 7.106 tỷ đồng, bằng khoảng 191,07% so với doanh thu từ vải thiều của cả năm 2025*).

Hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã chủ động triển khai nghiêm túc, đồng bộ Công điện số 23/CĐ-TTg ngày 16/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy xuất khẩu năm 2026, tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng, tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đồng thời tăng cường xúc tiến thương mại và hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm. Tổng giá trị xuất nhập khẩu 6 tháng ước đạt **106,4 tỷ USD** tiếp tục là một trong 02 địa phương **dẫn đầu cả nước**; trong đó xuất khẩu đạt 52,5 tỷ USD, tăng 31,49% so cùng kỳ **đứng đầu cả nước**; nhập khẩu đạt 53,87 tỷ USD, tăng 39,83%, đứng thứ 2 toàn quốc sau Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Dịch vụ tài chính, ngân hàng

Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng đã triển khai nghiêm túc các quy định của Ngân hàng Nhà nước về nhiệm vụ trọng tâm năm 2026. Hoạt động tín dụng được đẩy mạnh, bảo đảm tập trung nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu...; tiếp tục triển khai chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo

¹² - Sản lượng vải thiều tiêu thụ trong nước ước đạt: 85.166 tấn, bằng 67,35% so với tổng sản lượng tiêu thụ.

- Sản lượng vải thiều xuất khẩu ước đạt: 41.279 tấn, bằng 32,65% so với tổng sản lượng tiêu thụ. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ yếu, ước đạt khoảng 40.500 tấn; còn lại là các thị trường khác (EU, Mỹ, Canada, Nhật Bản, Úc, Anh, ...).

Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ; mặt bằng lãi suất cho vay của các TCTD đối với các giao dịch phát sinh mới tiếp tục duy trì ở mức thấp. Các TCTD trên địa bàn thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay nhằm tích cực hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cùng với đó là kiểm soát chặt chẽ tín dụng, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng. Ước đến 30/6/2026, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng đạt **415.000 tỷ đồng**, tăng 4,9% so với thời điểm cuối năm 2025; dư nợ đạt **420.000 tỷ đồng**, tăng 8,4% so với cuối năm 2025. Công tác thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp tục được đổi mới về phương pháp theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế, tập trung vào các lĩnh vực và hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao. Tỷ lệ nợ xấu ước chiếm **0,36%** tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Một số lĩnh vực được nhận diện cần tiếp tục giám sát chặt chẽ, bao gồm mức độ tín dụng vào bất động sản, chứng khoán, dự án BT, cùng với các khoản nợ tiềm ẩn thành nợ xấu và khách hàng mới thành lập có dư nợ lớn.

c) Dịch vụ du lịch

Trong 6 tháng đầu năm, lĩnh vực du lịch của tỉnh tiếp tục bứt phá và phát triển theo hướng chuyên nghiệp, từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương. Toàn tỉnh ước đón khoảng **4,17 triệu lượt** khách du lịch¹³, đạt 60% so với kế hoạch năm 2026. Tổng doanh thu từ các hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh ước đạt 3.800 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm 2026. Công suất sử dụng phòng lưu trú trung bình ước đạt khoảng 65-70%. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành trong triển khai đồng bộ các giải pháp kích cầu du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và đẩy mạnh quảng bá hình ảnh điểm đến. Qua đó, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2026 đạt **54.133,115 tỷ đồng**, bằng 74,8% dự toán, bằng 130,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

- *Thu nội địa* đạt **46.056,25** tỷ đồng, bằng 77,9% dự toán, bằng 130% cùng kỳ. Thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và thu cổ tức từ lợi nhuận sau thuế, đạt 33.890,8 tỷ đồng, bằng 73,7% dự toán, bằng 134,1% so cùng kỳ. Riêng thu tiền sử dụng đất ước đạt 12.096,6 tỷ đồng, bằng 93% dự toán, tăng 20% so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng do thị trường bất động sản những tháng đầu năm khởi sắc, nhiều cuộc đấu giá quyền sử dụng đất được tổ chức có hiệu quả. Tình hình SXKD thuận lợi dẫn đến sự tăng trưởng nhu cầu mua bất động sản.

- *Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu*: Ước thực hiện thu 6 tháng đạt **8.076,9** tỷ đồng, bằng 61% dự toán, bằng 131,1% so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng là do hiệu ứng “mở rộng đầu tư” của các doanh nghiệp FDI, hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định, xây dựng nhà máy, hàng hoá nguyên liệu nhập khẩu dùng để sản xuất hàng hoá xuất khẩu.... của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng

¹³ trong đó: Khách quốc tế ước đạt: 280.000 lượt; khách trong nước ước đạt khoảng 3,89 triệu lượt

hơn so cùng kỳ năm trước.

Công tác điều hành chi ngân sách nhà nước được thực hiện chặt chẽ, chủ động và linh hoạt theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm đúng dự toán được giao. Nguồn lực ngân sách được ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, các chương trình, dự án động lực và các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, tỉnh thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, rà soát, cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương đến 30/6/2026 đạt **24.782,4** tỷ đồng, bằng 43,4% dự toán năm.

6. Thu hút đầu tư và đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng tích cực, phản ánh niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Ước thực hiện quý II đạt 43.471 tỷ đồng, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2025; lũy kế 6 tháng ước đạt **81.304** tỷ đồng, tăng 21,21% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu vốn đầu tư, khu vực ngoài nhà nước chiếm 39,3% và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm 51,9%.

6.1. Đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia

Công tác xây dựng, phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công được chỉ đạo quyết liệt, triển khai từ sớm, bảo đảm chủ động, kịp thời, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án. Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công công trình, dự án trọng điểm theo tinh thần Công điện số 25/CD-TTg ngày 21/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư NSNN do tỉnh quản lý năm 2026 tính đến nay là **20.843,133** tỷ đồng, trong đó: kế hoạch đầu năm được Thủ tướng Chính phủ giao là 16.583,3 tỷ đồng, kế hoạch tỉnh giao bổ sung trong năm là 2.545,072 tỷ đồng, số vốn năm trước kéo dài sang năm 2026 là 1.714,76 tỷ đồng. Đến hết 30/6/2026, tổng số vốn giải ngân đạt **6.335,883** tỷ đồng, bằng **32,63%** so với kế hoạch vốn tỉnh đã giao chi tiết, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đạt **38,21%** (*nếu trừ đi số tiết kiệm 5% và số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho dự án Đường vành đai 5 nhưng không sử dụng hoàn trả lại Trung ương thì tỷ lệ giải ngân đạt 39,96% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao*).

6.2. Môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai quyết liệt, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; chất lượng điều hành kinh tế và năng lực cạnh tranh của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Theo công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), năm 2025 tỉnh Bắc Ninh thuộc **nhóm 5 tỉnh, thành phố** có chất lượng điều hành kinh tế tốt nhất cả nước. Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng; tỉnh đã tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại nhiều thị trường nước ngoài tiềm năng, đồng thời duy trì thường xuyên các cuộc gặp gỡ, đối thoại, làm việc với doanh nghiệp,

nhà đầu tư nhằm kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư triển khai và hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thu hút đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, số lượng dự án mới và quy mô vốn đăng ký duy trì mức tăng khá. Lũy kế 06 tháng thu hút được trên **9,86 tỷ USD** vốn đầu tư quy đổi. Trong đó: Cấp mới 115 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 174.677,4 tỷ đồng; điều chỉnh 55 dự án trong nước, vốn đăng ký tăng thêm 15.762,4 tỷ đồng; cấp mới 177 dự án FDI, vốn đăng ký 708,76 triệu USD; điều chỉnh 149 dự án FDI, tổng vốn tăng thêm là 1.632,8 triệu USD. Riêng thu hút vốn FDI Bắc Ninh hiện **đứng thứ 4** cả nước sau Thái Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Đặc biệt, trong 6 tháng, tỉnh có 05 KCN được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư¹⁴ với tổng vốn đầu tư đăng ký 8.000,2 tỷ đồng (*tương đương 319,28 triệu USD*), góp phần mở rộng quỹ đất công nghiệp, tạo dư địa thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn trong thời gian tới. Lũy kế, đến nay trên địa bàn tỉnh đã chấp thuận là 39 KCN, diện tích là 11.629,5 ha; diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ đã cho thuê khoảng 4.363 ha, tỷ lệ lấp đầy khoảng 53,05%.

Công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và khởi nghiệp tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, thúc đẩy thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, trả kết quả điện tử có giá trị pháp lý tương đương bản giấy, đồng thời tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, góp phần giảm chi phí, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. 6 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh có **4.478 doanh nghiệp** thành lập mới với tổng vốn đăng ký đạt 80.199 tỷ đồng; đồng thời có thêm 177 chi nhánh, văn phòng đại diện và 1.717 địa điểm kinh doanh đi vào hoạt động.

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường được chú trọng. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định, cơ chế chính sách về đất đai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó UBND tỉnh đã ban hành 11 Quyết định¹⁵;

¹⁴ Gồm các KCN: Yên Sơn, Yên Sơn Bắc Lũng phần mở rộng giai đoạn 1, Xuân Cẩm - Hương Lâm, Đức Giang giai đoạn 1, Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm giai đoạn 2.

¹⁵ (1) Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 về Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026; (2) Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 về Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (3) Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 về Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh; (4) Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 về Phân cấp, ủy quyền thực hiện trong lĩnh vực đất đai; việc áp dụng trình tự thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (5) Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (6) Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về Quy định chính sách đặc thù về bồi thường bằng đất khi Nhà nước thu hồi đất ở để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. (7) Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh Quy định chính sách đặc thù về bồi thường bằng đất khi Nhà nước thu hồi đất ở để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; (8) Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 về Quy định chính sách đặc thù về hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống của hộ gia đình, cá nhân được tạo lập (trước ngày có thông báo thu hồi đất) trên đất vườn, ao thuộc khu dân cư nếu có đủ

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị trong lĩnh vực đất đai¹⁶. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai được thực hiện theo quy định, đảm bảo thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc về công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh¹⁷. Tổ chức rà soát toàn diện 103 dự án khu dân cư dịch vụ đã triển khai; phân loại theo từng nhóm vướng mắc để tập trung tháo gỡ, xử lý, góp phần khơi thông nguồn lực đất đai và thúc đẩy tiến độ đầu tư các dự án.

Công tác giải phóng mặt bằng được tập trung chỉ đạo, đơn đốc và tháo gỡ vướng mắc góp phần đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án. Đến 20/6/2026, đã được giải phóng mặt bằng, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân là 1.992 ha thực hiện các dự án khu vực Sân bay Gia Bình (bao gồm dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, các dự án BT liên quan đến Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, dự án Trung đoàn Không quân và Tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh); đã tổ chức bốc thăm trên bản đồ quy hoạch vị trí đất tái định cư cho 1.699 hộ gia đình; riêng khu vực phục vụ Hội nghị APEC, tổng diện tích cần thực hiện GPMB là 643 ha đã hoàn thành GPMB và bàn giao mặt bằng cho Nhà đầu tư để triển khai thi công. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm đã GPMB các dự án hạ tầng KCN đạt 667,54 ha, giao đất, cho thuê đất đạt 545,92 ha.

Hoạt động bảo vệ môi trường được tăng cường, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025-2027; hoàn thiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm đối với các dự án sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; Đẩy mạnh phát động và triển khai các phong trào vệ sinh môi trường tại các cộng đồng dân cư, thu hút sự tham gia đồng hành của người dân.

Chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản; nhất là các hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng, kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo nguồn

điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; (9) Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 về Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 11 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh; (10) Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 về Quy định một số chỉ tiêu khi áp dụng phương pháp thẳng dư để xác định giá đất cụ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (11) Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 về Quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

¹⁶ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

¹⁷ (1) Khối lượng thực hiện tại các xã, phường tính đến hết ngày 26/6/2026 đã thu thập và bàn giao cho VP ĐKĐĐ được 358.877/1.453.730 thửa đất phải làm giàu, làm sạch, đạt 48,1% chỉ tiêu giao 30/6/2026, đạt 24,7% tổng khối lượng được giao; (2) khối lượng thực hiện của Văn phòng ĐKĐĐ đã thực hiện bổ sung file quyết cho 314.740/434.930 thửa, đạt 72,4%; đồng bộ hoàn thiện dữ liệu 222.207 thửa, bổ sung thông tin 219.024 thửa; (3) đồng bộ dữ liệu lên nhóm 1 được 903.476 thửa, đạt 25,9% tổng số thửa, đạt 37,8% số thửa có trong cơ sở dữ liệu, đứng thứ 19 toàn quốc về khối lượng thửa đất đã “đúng - đủ - sạch - sống”.

cung vật liệu san lấp phục vụ các công trình trọng điểm quốc gia¹⁸. Triển khai nghiêm túc Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác quản lý khoáng sản làm vật liệu xây dựng; đồng thời hoàn thành việc khoanh định 61 điểm mỏ khoáng sản, tạo cơ sở phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả, đúng quy định. Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 09/4/2026 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 08/6/2026 về tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực địa chất, khoáng sản; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 17/6/2026 để triển khai thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU. Đồng thời, tỉnh chỉ đạo các cơ quan, địa phương chủ động rà soát, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định. Bên cạnh đó, các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2026 được tổ chức thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên nước, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo được triển khai đồng bộ, toàn diện; chất lượng giáo dục tiếp tục được giữ vững và nâng cao. Trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2025-2026, khối học sinh THPT toàn tỉnh đạt kết quả nổi bật với 174/237 thí sinh đoạt giải, xếp **thứ 6 toàn quốc**. Hoạt động bồi dưỡng đội tuyển tham gia kỳ thi học sinh giỏi quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế năm 2026¹⁹ được tăng cường, đạt thành tích xuất sắc²⁰. Tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan, công bằng; kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 tỉnh Bắc Ninh đạt 5,91 điểm bình quân, xếp thứ 10 toàn²¹.

Các trường đã hoàn thành chương trình, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh học kỳ II, cả năm học, thực hiện tổng kết năm học 2025-2026. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động, bảo đảm an toàn cho trẻ em, học sinh thời gian trước, trong và sau hè năm 2026, đặc biệt yêu cầu các cơ quan, đơn vị địa phương cần tăng cường công tác phòng, chống tai nạn đuối nước ở trẻ em vào dịp nghỉ hè theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 40/CĐ-TTg ngày 19/5/2026. Việc

¹⁸ Chủ tịch UBND tỉnh cấp 07 giấy phép khai thác khoáng sản, tổng trữ lượng khai thác 25,6 triệu m³; ban hành 44 Thông báo về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm III, IV phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia, dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

¹⁹ Đến nay, tỉnh Bắc Ninh có 15 HS tham gia các đội dự tuyển HS giỏi thi quốc tế và khu vực do Bộ GDĐT tuyển chọn; có 03 HS tham gia kỳ thi Olympic Toán học Châu Á - Thái Bình Dương (APMO) lần thứ 37.

²⁰ Tỉnh Bắc Ninh có 03 HS tham gia kỳ thi Olympic Toán học Châu Á - Thái Bình Dương (APMO); 06 lượt học sinh tham dự kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế. Kết quả tỉnh Bắc Ninh đoạt 03 giải Huy chương Bạc môn Vật lý²⁰; trong tháng 7 tỉnh Bắc Ninh tiếp tục có 02 em học sinh tham dự Kỳ thi Olympic Sinh học quốc tế và 01 em tham dự Kỳ thi Olympic Vật lý quốc tế. Tại Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia năm học 2025-2026, Bắc Ninh có 5/6 dự án đạt giải, trong đó có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 02 giải Khuyến khích, tiếp tục khẳng định năng lực nghiên cứu, sáng tạo của học sinh Bắc Ninh.

²¹ Có 01/01 thủ khoa Khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) toàn quốc với tổng điểm 30,00; 02 Á khoa toàn quốc Khối B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) với tổng điểm 29,75.

triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục toàn diện; từ đó củng cố nền tảng phát triển bền vững, nâng cao vị thế của giáo dục địa phương trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh ngày càng sâu rộng.

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Các hoạt động y tế được tập trung chỉ đạo, phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc biệt trong công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe nhân dân dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân 2026. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 18/5/2026 và UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 20/5/2026 về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030. Các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ y tế; đẩy mạnh thực hiện các hoạt động chuyển đổi số trong khám chữa bệnh như: triển khai Bệnh án điện tử, Sổ sức khoẻ điện tử VneID, kết nối, liên thông dữ liệu giữa các bệnh viện trên địa bàn tỉnh với các bệnh viện tuyến Trung ương.... Chất lượng công tác khám chữa bệnh được duy trì, nhiều kỹ thuật mới được áp dụng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân. Tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngành y tế đang tập trung xây dựng hệ thống đề án, Kế hoạch với định hướng rõ, làm nền tảng cho việc tổ chức triển khai hiệu quả trong thực tiễn như: Đề án tăng cường phát triển hệ thống y tế, tạo đột phá, nâng cao hiệu quả bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030...

3. Văn hóa, thể thao, thông tin

Nhiều chương trình văn hóa, văn nghệ quy mô lớn cùng các lễ hội truyền thống được tổ chức phong phú, phục vụ Nhân dân vui Xuân, đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026; chào mừng kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh. Qua đó, góp phần lan tỏa không khí vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân; đồng thời quảng bá, tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá và thu hút du lịch. Song song với đó, tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội đầu năm; bảo đảm an toàn, không để xảy ra cháy nổ, mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc biệt, tỉnh đã tổ chức thành công chuỗi sự kiện nhân dịp Bắc Ninh đón nhận Bằng của UNESCO ghi danh di sản Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp; công bố Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn - Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới và Festival “Về miền di sản Bắc Ninh - 2026”, khẳng định vị thế, giá trị nổi bật của di sản văn hóa địa phương trên bản đồ văn hóa trong nước và quốc tế thu hút đông đảo người dân và du khách tham dự. Các hoạt động tuyên truyền về chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được triển khai đồng bộ, sâu rộng trên phạm vi toàn

tinh, góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, tạo nền tảng chính trị vững chắc và đạt nhiều kết quả tích cực.

Lĩnh vực thể thao được quan tâm; tỉnh đã đăng cai tổ chức 05 giải thể thao quốc gia và khu vực, 13 giải thể thao cấp tỉnh và nhiều hoạt động thể thao khác. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển cả về số lượng và chất lượng²². Các phường, xã tổ chức hơn 400 giải thể thao và cơ bản hoàn thành Lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao, tổ chức các môn thi đấu theo kế hoạch, tạo không khí thi đua rộng khắp trong Nhân dân. Thể thao thành tích cao tiếp tục duy trì và phát triển, trong đó đoàn VĐV Bắc Ninh tham gia thi đấu 19 giải quốc gia, 05 giải quốc tế, giành được 485 Huy chương các loại (160 HCV, 166 HCB, 250 HCD), có 28 lượt VĐV đạt đẳng cấp quốc gia (12 kiện tướng và 16 cấp I)²³.

4. Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; trong đó, việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị được xác định là nhiệm vụ then chốt, xuyên suốt. Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND tỉnh đã ban hành 02²⁴ văn bản quy phạm pháp luật; trình HĐND tỉnh 04²⁵ Nghị quyết trình tại kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh giữa năm 2026 và trình 03²⁶ Quyết định theo kế hoạch ban hành văn bản 2026; trình HĐND tỉnh bãi bỏ 01²⁷ Nghị quyết, UBND tỉnh bãi bỏ 05²⁸ quyết định; bổ sung 02²⁹ Quyết định. Đồng thời, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch

²² Đến nay toàn tỉnh có khoảng 41,6% số người tập TDTT thường xuyên, có 21,3% gia đình thể thao, 4.750 CLB thể thao.

²³ Vận động viên Nguyễn Thị Thủy giành được huy chương vàng tại giải vô địch Cúp Wushu Thế giới.

²⁴ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 18/4/2026 của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh Phân cấp thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

²⁵ Nghị quyết Quy định về chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết Quy định về một số nội dung chi, mức chi cho quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi cho hoạt động Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn, Tổ Giúp việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

²⁶ Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định ban hành quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

²⁷ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND tỉnh Bắc Ninh Ban hành quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động UDCNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

²⁸ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ SNC sử dụng NSNN lĩnh vực TT và TT tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành bộ đơn giá dịch vụ SNC sử dụng NSNN lĩnh vực TT và TT tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Phân cấp thẩm quyền giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh.

²⁹ Ban hành "Quy định quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định phân cấp thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh".

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết 57 cũng như các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó gồm: 62 Quyết định, 53 Kế hoạch, 133 Công văn, 31 các văn bản khác gồm Chương trình công tác, Thông báo kết luận để chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh đã chủ động, tích cực tổ chức các hội nghị nhằm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm 2026; đồng thời bám sát, cụ thể hóa các nội dung tại Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương. Cùng với đó, tỉnh đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Chương trình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030, qua đó tạo lập nền tảng vững chắc thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước³⁰.

6. Tình hình đời sống Nhân dân, lao động, việc làm, chính sách xã hội

Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chính sách ưu đãi đối với người có công được duy trì thực hiện tốt. Công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội được quan tâm triển khai hiệu quả. Công tác giảm nghèo được chú trọng; đời sống của Nhân dân nhìn chung ổn định. Trong dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ 2026, các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời; hoạt động tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội, được triển khai đồng bộ, bao phủ toàn diện; bảo đảm mọi người, mọi nhà đều được đón Tết vui tươi, đầm ấm. Triển khai hiệu quả Kế hoạch xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo; hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; đồng thời phát động và tổ chức thực hiện Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tri ân những người có công với cách mạng.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với quản lý lao động tiếp tục được triển khai quyết liệt, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tìm kiếm nguồn lao động phục vụ sản xuất kinh doanh. Đến hết tháng 6/2026, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 27.027 lao động đạt 51,97% kế hoạch (*trong đó lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.936 người*). Tính đến nay, riêng trong các KCN có khoảng 629.621 lao động thực tế đi làm; trong đó lao động là người nước ngoài là 22.678 người, lao động trong nước là 606.943 người (*lao động trong tỉnh chiếm khoảng 50%*). Thu nhập bình quân của người lao động khoảng 10 triệu đồng/tháng.

³⁰(1) Về thực hiện nhiệm vụ tại các Chương trình, Kế hoạch, Thông báo kết luận Trung ương trên hệ thống theodoi.q.dcs.vn: Tổng số nhiệm vụ được giao là 272; số nhiệm vụ thường xuyên là 98; số nhiệm vụ có hạn đã hoàn thành 165 (*đúng hạn: 162 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 98,2% nhiệm vụ có hạn hoàn thành đúng hạn*); quá hạn: 3 nhiệm vụ từ năm 2025; số nhiệm vụ có hạn đang thực hiện đúng hạn: 09 nhiệm vụ; (2) Về tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Chương trình, kế hoạch của tỉnh: số chỉ tiêu giao 73 chỉ tiêu, đã hoàn thành 24 chỉ tiêu, đang thực hiện 49 chỉ tiêu; tổng số nhiệm vụ 159 nhiệm vụ, thường xuyên 79 nhiệm vụ; đã hoàn thành 13 nhiệm vụ, quá hạn 01 nhiệm vụ; đang thực hiện đúng hạn 56 nhiệm vụ.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức được chú trọng³¹. Các sở, ngành tích cực thực hiện đơn giản hóa hồ sơ, cách thức thực hiện thủ tục hành chính; rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Triển khai hiệu quả 08 Nghị quyết của Chính phủ về cải cách, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính; đã bãi bỏ 184 thủ tục hành chính và 890 điều kiện kinh doanh, đồng thời cắt giảm 50% thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ, tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, thúc đẩy thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến liên thông, đồng bộ, hiệu quả, không bị gián đoạn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 23/4/2026; góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025 của tỉnh Bắc Ninh đạt 91,47/100 điểm, xếp **thứ 9/34 tỉnh**, thành phố trong cả nước, tiếp tục khẳng định những chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính của tỉnh. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; việc quán triệt, thực hiện các quy định về trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức được chỉ đạo thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc.

Các địa phương hoàn thiện hồ sơ mẫu phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định; hoàn thành Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh. Tỉnh đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031, bảo đảm dân chủ, an toàn, đúng quy định của pháp luật. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai đồng bộ, quyết liệt; Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử và các tổ chức phụ trách bầu cử đầy đủ, hoạt động hiệu quả. Quy trình hiệp thương, lập danh sách người ứng cử, danh sách cử tri, công tác tuyên truyền và bảo đảm an ninh trật tự được thực hiện chặt chẽ, đúng tiến độ. Ngày bầu cử được tổ chức nghiêm túc, trang trọng, đúng quy định, thực sự trở thành ngày hội lớn của toàn dân, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng bộ, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh, được Nhân dân đồng thuận, thống nhất cao. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan kịp thời ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn³², tổ chức rà soát, tổng hợp phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ

³¹ Ban Thường Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; BND tỉnh ban hành Quyết định xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã, Kế hoạch thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Bắc Ninh năm 2026.

³² Ngày 03/6/2026, Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh thông qua Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Ngày 04/6/2026, UBND tỉnh ban hành Phương án số: 44 /PA-UBND về việc sắp xếp tổng thể thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Ngày 04/6/2026, Sở Nội vụ ban hành công văn số 2677/SNV-XDCQ về việc hướng dẫn một số điểm lưu ý trong quá trình sắp xếp thôn, tổ dân phố; Ngày 08/6/2026, Thường trực Tỉnh

dân phố của các xã, phường. Trên cơ sở Phương án đã được UBND tỉnh ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã hoàn thiện Đề án và lấy ý kiến nhân dân xong trước ngày 25/6/2026. Đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành công tác sắp xếp thôn, tổ dân phố và kiện toàn tổ chức bộ máy đi vào hoạt động. Sau sắp xếp, toàn tỉnh còn 1.385 thôn, tổ dân phố, giảm 1.473 thôn, tổ dân phố, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Tương ứng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đôi dư dự kiến khoảng 3.796 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách nghỉ công tác do không bảo đảm tiêu chuẩn dự kiến khoảng: 570 người sẽ giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Lĩnh vực tư pháp được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện; tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, tăng cường hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật và cải cách tư pháp³³. UBND tỉnh đã công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2025; ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh năm 2026; ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 20/4/2026 Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và triển khai các các nhiệm vụ liên quan tới công tác tổng rà soát văn bản QPPL theo kế hoạch, qua đó nhằm kịp thời phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý đối với các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới³⁴. Công tác xây dựng thể chế, chính sách của tỉnh được quan tâm chỉ đạo. Các văn bản hành chính, quy phạm pháp luật được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục, chất lượng tiếp tục được nâng lên³⁵.

Công tác thi hành án dân sự tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Kết quả thi hành án xong được thực hiện đảm bảo quy định. Cụ thể, trong 6 tháng toàn tỉnh phải giải quyết thi hành án 19.183 vụ; trong đó có 15.801 việc có điều kiện thi hành (chiếm 82,4%); đã thi hành xong là 9.084 việc (đạt tỷ lệ 63,06%), tăng 490 việc, tương ứng 5,7% so cùng kỳ. Tổng số tiền phải thi hành là 12.455 tỷ đồng; trong đó có 7.534 tỷ đồng có điều kiện thi hành (chiếm 60,5%); đã thi hành xong 2.283 tỷ đồng, tăng 850 tỷ đồng, bằng 59,3% so với cùng kỳ năm 2025, hoàn thành 33,7% kế hoạch.

3. Công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng

Công tác thanh tra tiếp tục được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, bám

ủy thông qua Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Ngày 11/6/2026, có 02 đơn vị là xã Đông Phú, Lục Nam đề nghị hoàn thiện phương án cho phù hợp thực tiễn và nguyện vọng của nhân dân. Phương án mới của 02 xã đã được thông qua tại phiên họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

³³ Trong đó đã thực hiện 59 nhiệm vụ được giao, hoàn thành 10 nhiệm vụ có thời hạn và duy trì thực hiện thường xuyên 38 nhiệm vụ theo kế hoạch. Đồng thời, tập trung rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính theo các nghị quyết của Quốc hội; đến nay đã xử lý 190/203 văn bản, đạt 93,6%; còn lại 13 văn bản đang tiếp tục xử lý bảo đảm tiến độ đề ra.

³⁴ Tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bắc Ninh đã xử lý được 571 văn bản QPPL (174 Nghị quyết, 397 Quyết định) đạt 84%, còn 112 văn bản (32 Nghị quyết, 80 Quyết định) cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới.

³⁵ Trong 6 tháng, Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến 180 lượt dự thảo văn bản; thẩm định 52 dự thảo văn bản QPPL.

sát yêu cầu quản lý nhà nước và những lĩnh vực, địa bàn tiềm ẩn nguy cơ vi phạm, phát sinh khiếu kiện. Các cuộc thanh tra được thực hiện đúng kế hoạch và kịp thời theo yêu cầu đột xuất, góp phần phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý³⁶. Trình tự, thủ tục thanh tra được thực hiện nghiêm theo quy định; chất lượng kết luận và việc thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra tiếp tục được nâng lên, góp phần phòng ngừa vi phạm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và không để xảy ra tiêu cực, những nhiễu trong hoạt động thanh tra.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được triển khai quyết liệt, đồng bộ; các giải pháp phòng ngừa được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và củng cố niềm tin của Nhân dân. Các cơ quan thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử phối hợp chặt chẽ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Cùng với đó, việc xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài và cơ sở nhà, đất dôi dư được đẩy mạnh³⁷. Ban Chỉ đạo tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo, điều hành, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, khơi thông nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (BT), 51 dự án BT³⁸ kéo dài nhiều năm trên địa bàn tỉnh đã cơ bản được giải quyết hoặc có phương án xử lý, tạo điều kiện để tiếp tục triển khai và phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và tổ chức thực hiện đồng bộ. Các cấp, các ngành thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân,

³⁶ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ là 45 cuộc, trong đó số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang là 15 cuộc, số cuộc triển khai trong kỳ là 30 cuộc, số cuộc theo kế hoạch là 36 cuộc³⁶, số cuộc đột xuất là 09 cuộc. Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra là 16/45 cuộc; Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra) là: 55 đơn vị; Phát hiện vi phạm: Qua thanh tra đã phát hiện vi phạm về tiền là 40.411 triệu đồng. Xử lý về kinh tế: Thu hồi về ngân sách nhà nước 3.433 triệu đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 36.978 triệu đồng; Xử lý về đất: 280.949m²; Xử lý vi phạm hành chính: Kiến nghị xử lý trách nhiệm 23 tổ chức, 65 cá nhân. Chuyển cơ quan điều tra: Qua thanh tra đã chuyển thông tin 01 vụ việc về phát hiện dấu hiệu làm giả và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Giấy xác nhận của doanh nghiệp) sang Công an tỉnh Bắc Ninh để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

³⁷ (1) Trên địa bàn tỉnh hiện nay có tổng số: 188 dự án tồn đọng, trong đó: có 187 dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài và 01 dự án có khó khăn, tồn đọng và khiếu kiện kéo dài (Dự án Sau Thuần); số dự được đăng nhập trên Hệ thống 751 là 120/188 dự án. Kết quả giải quyết tháo gỡ hoặc có phương án tháo gỡ đến nay được tổng số 188/188 dự án; (2) Tính đến hết ngày 30/4/2026 đã xử lý được 433 cơ sở nhà đất dôi dư (trong đó giao/điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc 39 cơ sở; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp 18 cơ sở; Làm cơ sở giáo dục 66 cơ sở; Làm cơ sở y tế 13 cơ sở; Làm Nhà văn hóa tổ dân phố, thôn, bản 241 cơ sở; Làm khu công cộng khác 56 cơ sở). Còn lại 570 cơ sở nhà đất dôi dư còn phải xử lý thì có 04 cơ sở được chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện theo Luật Đất đai; 444 cơ sở được UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý theo hình thức để quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ; 53 cơ sở thực hiện theo điểm g khoản 7 Điều 37 Nghị định 186/2025/NĐ-CP (xử lý tài sản tại các điểm trường vùng sâu, vùng xa); 19 cơ sở giao cho đơn vị quản lý, sử dụng; 48 cơ sở chuyển giao về UBND xã, phường để quản lý, xử lý theo quy định của Pháp luật đất đai; 02 cơ sở thực hiện thu hồi đất, giao đất theo quy định của Pháp luật đất đai thực hiện dự án sân bay Gia Bình.

³⁸ Có 31/51 dự án đã được giải quyết, tháo gỡ (trong đó có 07/31 dự án áp dụng cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026, còn 24/31 dự án giải quyết theo thẩm quyền của tỉnh); có 20/51 dự án hiện nay không có khó khăn vướng mắc (trong đó có 05 dự án đã hoàn thành quyết toán và thanh lý hợp đồng).

tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hầu hết các vụ việc phát sinh được xem xét, giải quyết kịp thời, đúng quy định, góp phần giữ vững ổn định tình hình. Ngành Thanh tra tập trung rà soát, kiểm tra 36 vụ việc khiếu kiện phức tạp, kéo dài, vượt cấp lên Trung ương theo ý kiến kết luận, chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, các Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ và kiến nghị của Bộ Công an, cơ bản bảo đảm tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Kết quả: đã rà soát, giải quyết, có phương án xử lý xong đối với 35/36 vụ việc³⁹.

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được chú trọng ngày càng vững chắc. Tổ chức thành công Hội thi thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Chỉ đạo tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ phường Từ Sơn năm 2026 bảo đảm chặt chẽ, thiết thực, chất lượng, an toàn tuyệt đối, đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Các lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt công tác phối hợp, nắm chắc tình hình, đặc biệt dịp lễ, Tết lớn trong năm; đồng thời thực hiện nền nếp chế độ giao ban, trao đổi thông tin, nắm tình hình, tham mưu đề xuất kịp thời, không để bị động bất ngờ. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Công tác đối ngoại tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, các đề án, chương trình, kế hoạch về đối ngoại được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Bắc Ninh với các đối tác quốc tế được duy trì, củng cố và không ngừng mở rộng, góp phần tăng cường kết nối, thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã tổ chức nhiều đoàn công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản..., qua đó nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và góp phần triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông (ATGT), phòng, chống cháy nổ (PCCN) tiếp tục được tăng cường. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức quán triệt tới toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tuyên truyền người dân tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về ATGT; tuyệt đối không được sử dụng bia, rượu khi tham gia giao thông. Tập trung tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm tại các địa bàn trọng điểm, các ngày nghỉ lễ, các biện pháp giải quyết ùn, tắc giao thông nhất là tại các KCN trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên

³⁹ Cụ thể: (1) Thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 142-TB/VPTW ngày 20/3/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng và Kế hoạch số 96/KH-TTCTP ngày 28/3/2025 của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp lên Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập các Tổ công tác và chỉ đạo UBND tỉnh kiểm tra, rà soát, giải quyết xong 23/23 vụ việc; (2) Thực hiện Công văn số 16720-CV/VPTW ngày 14/8/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về thông báo ý kiến của Tổng Bí thư và Kế hoạch số 329/KH-TTCTP ngày 25/9/2025 của Thanh tra Chính phủ về xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp kéo dài, vượt cấp theo kiến nghị của Bộ Công an³⁹; Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác tiến hành kiểm tra, rà soát xong 05/05 vụ việc; (3) Thực hiện Thông báo số 07/TB-BCĐ ngày 14/5/2026 của Thanh tra Chính phủ về chỉ đạo rà soát, xử lý liên quan đến 08 vụ việc công dân có đơn gửi vượt cấp ra Trung ương. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương tập trung xem xét, giải quyết. Kết quả: đã rà soát, có phương án giải quyết xong 07 vụ; đang rà soát, giải quyết 01 vụ.

truyền, kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm về phòng chống cháy nổ⁴⁰; quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng pháo. Trong 6 tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 346 vụ tai nạn giao thông, làm chết 188 người, bị thương 194, thiệt hại tài sản khoảng 6,5 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2025: Giảm 36 vụ (-9%), giảm 47 người chết (-20%), giảm 18 người bị thương (-8,5%).

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

Mặc dù tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục giữ mức tăng trưởng 2 con số, tạo đà phát triển tích cực hoàn thành kế hoạch cả năm. Khu vực công nghiệp tiếp tục giữ vững nhịp tăng trưởng, khẳng định vai trò là động lực của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định. Các ngành dịch vụ duy trì xu hướng phát triển, trong đó xuất nhập khẩu tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước; thu hút đầu tư trong nước tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Thu ngân sách nhà nước đạt 74,8% dự toán, tạo dư địa và nền tảng vững chắc để phân đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm. Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh nhằm tạo lập không gian phát triển mới, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Quyết liệt chỉ đạo, hoàn thành khối lượng lớn công tác GPMB Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các dự án liên quan, góp phần bảo đảm tiến độ triển khai các công trình trọng điểm quốc gia.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển toàn diện; chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên, đặc biệt là giáo dục mũi nhọn, tiếp tục giữ vững vị thế trong nhóm dẫn đầu cả nước. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ quy mô lớn được tổ chức, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thụ hưởng của Nhân dân; đời sống Nhân dân cơ bản ổn định. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được tổ chức thành công, bảo đảm dân chủ, đúng quy định; việc sắp xếp được thực hiện đồng bộ, đúng quy định, được Nhân dân đồng thuận, thống nhất cao. Ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được thực thi nghiêm túc. Chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được nâng cao. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục gặp khó khăn, thách thức và còn một số tồn tại, hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn kịch bản tăng trưởng đề ra (10,96%) do ngành công nghiệp thấp hơn 0,26%, nông - lâm nghiệp - thủy sản thấp hơn 1,08% và đặc biệt là ngành xây dựng thấp hơn 11,57% so kịch bản.

- Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chưa được cải thiện tương xứng với

⁴⁰ Trong 6 tháng đầu năm toàn tỉnh xảy ra 42 vụ cháy (giảm 22 vụ so với cùng kỳ năm 2025); làm 02 người chết, thiệt hại về tài sản khoảng 164,4 tỷ đồng; đã khởi tố 02 vụ với 03 bị can.

tiềm năng; khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Trong khi đó, số lượng doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động vẫn ở mức cao⁴¹, cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn. Mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và khu vực FDI chưa chặt chẽ, hiệu ứng lan tỏa về công nghệ, quản trị và phát triển công nghiệp hỗ trợ chưa đạt như kỳ vọng. Tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa trên động lực tăng trưởng truyền thống (vốn, lao động), các động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang trong quá trình hình thành và chưa rõ nét; kinh tế của tỉnh còn phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Thu hút đầu tư thấp hơn cùng kỳ, chưa tạo được nhiều đột phá trong thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, có tính lan tỏa mạnh có khả năng tạo động lực cho tăng trưởng trong thời gian tới. Hiện tượng nhập siêu kéo dài trong suốt 6 tháng đầu năm.

- Tiến độ đầu tư xây dựng còn chậm, các dự án PPP trọng điểm mới chấp thuận đầu tư trong 6 tháng và đang giải phóng mặt bằng nên giá trị xây dựng còn thấp, các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, nhà ở đang trong giai đoạn thực hiện ban đầu, tiến độ các dự án đầu tư công chậm cả về công tác chuẩn bị đầu tư và thi công, giải ngân; các vướng mắc về nguồn cung vật liệu, giá vật liệu, giá hợp đồng chưa được giải quyết triệt để, dứt điểm. Tiến độ xử lý các dự án tồn đọng, vướng mắc, kéo dài chưa hoàn thành và còn nhiều khó khăn. Việc chấp hành chế độ báo cáo của các nhà đầu tư chưa được quan tâm, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư.

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn nhiều khó khăn, vướng mắc; thời gian giải quyết hồ sơ còn kéo dài, chưa đáp ứng yêu cầu và kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp. Công tác rà soát, xử lý các tồn tại về đất đai qua các thời kỳ còn chậm, chưa được tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ kể từ khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; trách nhiệm của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được phát huy đầy đủ, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các vụ việc tồn đọng.

- Sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nông hộ, quy mô nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn tại một số địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường và phụ thuộc vào biến động của thời tiết. Nguy cơ phát sinh, tái phát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật như Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và một số bệnh khác vẫn tiềm ẩn. Bên cạnh đó, giá cả sản phẩm chăn nuôi, thủy sản và thị trường tiêu thụ còn biến động, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và tâm lý tái đàn của người chăn nuôi.

- Việc di dời các cơ sở sản xuất tại các CCN, làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào các CCN đáp ứng các quy định về môi trường gặp khó khăn do công nghệ sản xuất lạc hậu, thủ công không đáp ứng yêu cầu công nghệ tiên tiến để đảm bảo hoạt động, cũng như nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Ô nhiễm môi trường nước mặt (*nhất là hệ thống kênh Kim Đôi, Tào Khê, Trịnh Xá...*) từ nguồn nước thải sinh hoạt, nước thải chưa qua xử lý tập trung từ các khu dân cư; các sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động các cơ sở sản xuất kinh

⁴¹ Trong 6 tháng đầu năm 2026 toàn tỉnh có 624 doanh nghiệp giải thể và 2.298 doanh nghiệp tạm ngừng.

doanh, làng nghề dọc tuyến kênh,... gây bức xúc trong nhân dân. Hệ thống hạ tầng đô thị, nhất là chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường tại một số địa phương chưa được quan tâm đầu tư, duy tu, quản lý đúng mức; chất lượng dịch vụ còn hạn chế, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và đời sống của người dân.

- Tỷ lệ huy động trẻ ra nhà trẻ, lớp mẫu giáo chưa đạt kế hoạch đề ra; trẻ mầm non, học sinh/nhóm lớp cao so với quy định ở một số địa phương, đơn vị. Đội ngũ giáo viên còn thiếu (*tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo 1,87; nhà trẻ 1,93; tiểu học 1,47; THCS 1,79*) so với nhu cầu và định mức quy định của Bộ GD&ĐT; tỷ lệ giáo viên/lớp ở mầm non, tiểu học đạt thấp; một số địa phương đơn vị cơ cấu giáo viên chưa đồng bộ (*do thừa thiếu cục bộ/bộ môn*); việc hợp đồng giáo viên, nhân viên theo Nghị quyết số 102/NQ-CP của Chính phủ ở cấp học mầm non, tiểu học gặp khó khăn. Một số trường học không đủ điều kiện kiểm tra công nhận lại đạt chuẩn quốc gia do thiếu diện tích đất; thiếu phòng học, phòng chức năng, thiết bị, đồ dùng dạy học và công tác quản lý, sử dụng và khai thác thiết bị, đồ dùng dạy học ở một số đơn vị còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nâng chất lượng giáo dục chung của cấp học và toàn ngành. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 chưa bền vững, nhiều trường có nguy cơ mất chuẩn khi số trẻ, số học sinh tăng nhanh.

- Việc thực hiện chủ trương luân phiên, luân chuyển, điều động bác sĩ về công tác tại trạm y tế cấp xã theo mục tiêu đề ra gặp nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện. Số lượng bác sĩ tại các cơ sở khám, chữa bệnh tại các bệnh viện còn thiếu so với nhu cầu; điều kiện làm việc, môi trường chuyên môn và cơ hội phát triển nghề nghiệp tại tuyến cơ sở còn hạn chế, chưa đủ sức thu hút, giữ chân bác sĩ về làm việc lâu dài. Việc triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng hạ tầng công nghệ thông tin tại một số đơn vị chưa đồng bộ; khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế; nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn thiếu.

- Việc thực hiện tham mưu xây dựng, ban hành văn bản của một số sở, ngành còn chưa chủ động, tiến độ, chất lượng tham mưu hồ sơ xây dựng văn bản QPPL còn chưa cao. Chất lượng hồ sơ gửi thẩm định ở một số cơ quan còn hạn chế: còn tình trạng một số cơ quan chưa thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động theo quy định trong trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 đạt thấp.

- Một số di tích lịch sử, văn hóa còn xuống cấp, trong khi công tác tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích ở một số địa phương còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu bảo tồn gắn với phát triển du lịch và giáo dục truyền thống.

III. NGUYÊN NHÂN

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. Về khách quan, bối cảnh quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột địa chính trị tại một số khu vực, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, điều chỉnh chính sách thuế quan của các nền kinh tế lớn, biến động giá năng lượng và chi phí logistics đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu, thu hút đầu tư và tâm lý thị trường. Nhu cầu tiêu dùng, đầu tư tại nhiều thị trường xuất khẩu chủ lực phục hồi chậm, nguy cơ đứt gãy chuỗi cung

ứng vẫn hiện hữu, ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có độ mở kinh tế cao của tỉnh. Áp lực điều hành kinh tế nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao là rất lớn. Sự cạnh tranh giữa các địa phương trong thu hút đầu tư ngày càng gay gắt hơn. Chính sách pháp luật có nhiều thay đổi... Bên cạnh đó, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển các động lực tăng trưởng mới như kinh tế số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao còn cần thêm thời gian để phát huy hiệu quả.

Về chủ quan, một số cấp, ngành, địa phương chưa thực sự chủ động, quyết liệt trong công tác dự báo, phân tích và xây dựng các kịch bản ứng phó với biến động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước. Tiến độ triển khai một số dự án PPP, hạ tầng đô thị, nhà ở, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đầu tư công còn chậm do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục đầu tư, nguồn cung vật liệu xây dựng và năng lực tổ chức thực hiện ở một số chủ đầu tư, đơn vị còn hạn chế. Ngoài ra, tỉnh đang tập trung nguồn lực triển khai các dự án hạ tầng chiến lược, trọng điểm quốc gia, đặc biệt là dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình cùng các công trình giao thông kết nối liên vùng, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị. Quá trình triển khai đồng thời nhiều dự án quy mô lớn đòi hỏi khối lượng công việc rất lớn về công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện, tạo áp lực không nhỏ đối với công tác điều hành, cân đối nguồn lực đầu tư và năng lực quản lý của các cấp, các ngành. Trong ngắn hạn, việc ưu tiên nguồn lực cho các dự án chiến lược cũng ảnh hưởng nhất định đến tiến độ triển khai một số nhiệm vụ, dự án khác; tuy nhiên, đây là những động lực tăng trưởng quan trọng, tạo không gian phát triển mới và dư địa tăng trưởng dài hạn cho tỉnh.

Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực, nhất là đất đai, xây dựng, còn chưa đáp ứng yêu cầu; thời gian giải quyết một số hồ sơ còn kéo dài, phát sinh việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiều lần. Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến và số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính tuy đã được đẩy mạnh nhưng hiệu quả chưa đồng đều; việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Bên cạnh đó, kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ chưa thật sự đáp ứng yêu cầu; công tác kiểm tra, giám sát, xử lý trách nhiệm và khắc phục những phản ánh, kiến nghị của người dân có thời điểm còn chưa kịp thời, ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Nhiều di tích lịch sử, văn hoá được xây dựng từ lâu, chịu tác động của thời gian, điều kiện thời tiết và thiên tai nên xuống cấp tự nhiên. Nguồn lực dành cho công tác bảo tồn, tu bổ còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn khó khăn. Việc lập hồ sơ, chuẩn bị thủ tục đầu tư tu bổ còn kéo dài, nhất là đối với di tích được xếp hạng phải thực hiện nhiều quy trình, thủ tục theo quy định. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm, chưa chủ động rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án tu bổ, tôn tạo kịp thời. Quá trình đô thị hóa, phát triển hạ tầng và tác động của hoạt động khai thác, sử dụng di tích ở một số nơi cũng ảnh hưởng đến hiện trạng và cảnh quan di tích.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Dự báo trong 6 tháng cuối năm và thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực, thị trường phụ thuộc nhiều vào việc giải quyết các bất đồng trong cuộc chiến thương mại giữa các nước lớn. Trong nước, khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen, trong đó khó khăn, thách thức ngày càng nhiều hơn, đòi hỏi sự quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, hành động quyết liệt hơn, đẩy mạnh tăng tốc, bứt phá, vừa phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, kịp thời giải quyết với những vấn đề cấp bách, mới phát sinh để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2026.

Cùng với đó, tỉnh đang tập trung nguồn lực triển khai nhiều nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, trọng tâm là hoàn thành Đề án xây dựng thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương; đẩy nhanh tiến độ Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các dự án hạ tầng kết nối, tạo động lực, không gian phát triển mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước đưa Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng quan trọng của vùng và cả nước.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; với sự đoàn kết, thống nhất, quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền các cấp, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của HĐND và chỉ đạo, điều hành quyết liệt của UBND tỉnh, sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, Bắc Ninh tiếp tục chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, quyết tâm thực hiện tốt chủ đề công tác và các quyết tâm chính trị năm 2026 đã đề ra. Trước hết, phải nỗ lực vượt khó, khắc phục hạn chế, bất cập, phát huy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tiếp tục tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; quyết tâm, phấn đấu hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển năm 2026 (*chi tiết các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện 6 tháng cuối năm 2026 tại Biểu kèm theo*).

Đối với tỉnh Bắc Ninh, với nền kinh tế có độ mở lớn, thời gian tới sẽ tiếp tục chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực; đồng thời vẫn phải đối mặt với những khó khăn nội tại chưa được khắc phục triệt để cùng các vấn đề mới phát sinh. Bên cạnh đó, tình hình thiên tai, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp, bảo đảm cung ứng điện và hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo sức ép lớn đối với ổn định kinh tế vĩ mô, cân đối các nguồn lực và công tác chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 6 THÁNG CUỐI NĂM

Để đạt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 đã đề ra, UBND tỉnh xác định các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện

nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo các Nghị quyết, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy nhất là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và **10 Nghị quyết chiến lược, đột phá** của Bộ Chính trị; rà soát kỹ các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong tháng 7, quý III và cả năm 2026 để tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả, trong đó chú trọng những nội dung sau:

1. Từng cơ quan, đơn vị, địa phương phải bám sát mục tiêu, yêu cầu, kịch bản điều hành tăng trưởng kinh tế 2 con số năm 2026 đã được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến, xác định dư địa tăng trưởng để tập trung thúc đẩy, phấn đấu đạt mục tiêu đề ra, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng được Chính phủ giao tại **Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026⁴²** và **Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026⁴³**. Theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, khu vực, những thay đổi trong chính sách của các nền kinh tế lớn tác động đến Bắc Ninh do tỉnh có độ mở rất lớn; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo, chủ động tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy để chỉ đạo Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh các giải pháp ứng phó phù hợp, kịp thời. Phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công tác trong công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tập trung thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Tổ chức công bố và triển khai thực hiện hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Khẩn trương hoàn thành việc lập Quy hoạch chung đô thị tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số; đồng thời đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí và định hướng phát triển nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Hoàn thiện hồ sơ, trình tự, thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án xây dựng thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương và Đề án công nhận tỉnh Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I, tạo cơ sở pháp lý và nền tảng quan trọng để đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng quy mô thu ngân sách nhà nước ở cấp tỉnh và cấp xã, mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, nhất là thu từ hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế. Thực hiện nghiêm các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026. Tập trung xây dựng và triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; bảo đảm chính sách được thiết kế sát thực tiễn, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, tổ chức thực hiện hiệu quả, tránh hình thức, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

⁴² Về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

⁴³ Về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ.

3. Tập trung cao đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, phân đầu giá trị khối lượng thực hiện đạt kịch bản đề ra, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình hoạt động dự án theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là các đơn vị có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình toàn tỉnh, khẩn trương chỉ đạo quyết liệt tăng tốc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, trong đó có người đứng đầu. Tập trung giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hiệu quả, phù hợp; bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các tuyến đường kết nối phục vụ Hội nghị APEC 2027 không để chậm trễ, làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức Hội nghị. Tập trung nguồn lực triển khai dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải trên địa phận tỉnh Bắc Ninh: dự án đường sắt tốc độ cao Hải Phòng - Quảng Ninh - Bắc Ninh - Hà Nội; các tuyến đường vành đai 4, 5... và các dự án hạ tầng chiến lược khác, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Tập trung xử lý, tháo gỡ, giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh. Xử lý triệt để tài sản công dôi dư, không sử dụng bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Trung ương và áp dụng linh hoạt cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ.

4. Quán triệt, triển khai hiệu quả kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về triển khai Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư về nhà ở xã hội và định hướng phát triển nhà ở trong thời gian tới theo Thông báo số 64-TB/VPTW ngày 22/5/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Thông báo số 262/TB-VPCP ngày 26/5/2026 và số 286/TB-VPCP ngày 04/6/2026. Tập trung rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển nhà ở theo mô hình mới, phù hợp với Hiến pháp, chủ trương, đường lối của Đảng và nhu cầu của Nhân dân. Chủ động rà soát, điều chỉnh, đề xuất để xác định cụ thể vị trí, quy mô phát triển nhà ở cho thuê gắn với các KCN trên địa bàn với trọng tâm xác định nhu cầu nhà ở cho thuê theo phân khúc làm cơ sở quy hoạch và phân bổ nguồn lực. Khẩn trương hoàn thành việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND đã được HĐND tỉnh thông qua, bảo đảm làm cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

5. Tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện, xăng dầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp, nhất là trong các tháng cao điểm nắng nóng và mùa khô năm 2026, tuyệt đối không để thiếu điện, xăng dầu trong mọi tình huống. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện và truyền tải điện trọng điểm; thực hiện đồng bộ các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, đẩy mạnh phong trào tiết kiệm điện trong cơ quan, doanh nghiệp và hộ gia đình.

6. Khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án lớn nhất là các dự án khu dân cư, dịch vụ; dự án sản xuất công nghiệp, có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, khoáng sản...gia tăng năng lực sản xuất trong tỉnh, chủ động nguồn cung nguyên, nhiên liệu, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế tỉnh. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, tiêu

thụ, xuất khẩu hàng nông sản chủ lực của tỉnh; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo Thông báo kết luận số 117-TB/VPTW ngày 04/7/2026 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về công tác phòng, chống bão, lũ, thiên tai cực đoan và biến đổi khí hậu từ nay đến hết năm 2026, tích hợp công tác phòng, chống thiên tai vào kịch bản điều hành tăng trưởng năm 2026. Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, nguồn nước, kịp thời chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy lợi ứng phó nguy cơ thiếu nước và bảo đảm an ninh năng lượng; tăng cường dự báo, chủ động giải pháp phòng, chống thiên tai trong mùa mưa bão sắp tới.

7. Tập trung phát triển thị trường trong nước, trong tỉnh, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp thực hiện thông quan hàng hóa. Phát triển logistics theo hướng là hạ tầng “*xương sống*” của thương mại trong tỉnh, kết hợp đa phương thức: hàng không, đường sắt, đường sông, đường bộ.

8. Tổ chức triển khai thi hành các Nghị quyết, quyết định đã được HĐND tỉnh thông qua tại hội nghị chuyên đề; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật thuộc thẩm quyền của địa phương bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không để phát sinh “*khoảng trống*” pháp lý. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát, xây dựng các văn bản, nghị quyết đề trình HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp thường lệ. Sắp xếp thời gian, nhân lực, kinh phí, để tổ chức thực hiện kịp thời, chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Khẩn trương ổn định tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố sau hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả. Hoàn thành việc chi trả chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

9. Tập trung đào tạo và thu hút đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đối với các ngành mới nổi, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chống biến đổi khí hậu... Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm, có phương án điều tiết phù hợp, không để xảy ra mất cân đối cung cầu lao động cục bộ. Hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh triển khai các chương trình kích cầu du lịch hè, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực; tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cấp ủy và chính quyền các cấp; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, lấy hiệu quả thực thi và mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm

thước đo đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

10. Thường xuyên quan tâm, triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả công tác bảo đảm an sinh xã hội. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch về các hoạt động hướng tới kỷ niệm 80 năm ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2027). Nâng cao hiệu quả công tác khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; chủ động giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các dịch bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gia tăng trong mùa nắng nóng. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh theo các nhóm đối tượng, trong đó quan tâm, ưu tiên các đối tượng, chính sách, khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; chuẩn bị tốt các điều kiện, chủ động phương án tuyển dụng, điều động, hợp đồng để bảo đảm đủ giáo viên, nhân viên cho năm học mới 2026-2027. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn và phòng, chống đuối nước cho trẻ em, học sinh.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa; tập trung đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; đa dạng hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp, nhất là nguồn lực xã hội hóa, để bảo đảm công tác bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

11. Tiếp tục củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chú trọng công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp với thực hiện các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự; thực hiện cao điểm đấu tranh, xử lý tội phạm liên quan đến đánh bạc, cá độ bóng đá trong thời gian diễn ra World Cup 2026; tăng cường công tác bảo đảm phòng, chống cháy nổ trong mùa hanh khô. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách; chủ động cung cấp thông tin định hướng, tạo đồng thuận xã hội; kiên quyết đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin giả, luận điệu xuyên tạc./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực: Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XX;
- VP Tỉnh ủy và các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương theo dõi địa bàn;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Báo cáo thực hiện theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Tỷ đồng	598,809	273,410	598,809	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
2	Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh	%	12,5-13	10.56	12.5	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
3	GRDP bình quân đầu người	USD	6,350	-	6,350	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	160-165	-	160-165	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
4	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	10.0	-	10.0	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
	Năng suất lao động	Triệu đồng	319.4	-	319.4	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
5	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	224,504	81,303	224,504	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
6	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	37.5	29.7	37.5	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
7	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	-	3.0	-	3.0	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
8	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	41	-	41	Thống kê tỉnh, Sở KH-CN
9	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	212,000	106,395	212,000	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
	Xuất khẩu	Triệu USD	110,000	52,524	110,000	"
	Nhập khẩu	Triệu USD	102,000	53,871	102,000	"
10	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	72,350	54,133	80,783	Sở Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
	<i>Chỉ ngân sách địa phương</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>57,145</i>	<i>24,782</i>	<i>57,145</i>	Sở Tài chính
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	43.6	-	65.0	Sở Xây dựng
12	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥25	-	≥25	Sở Xây dựng
II. CHỈ TIÊU XÃ HỘI						
13	Dân số trung bình	Nghìn người	3,647	-	3,647	Thống kê tỉnh, Sở Y tế
14	Tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh	Số tuổi	75.1	-	75.1	Thống kê tỉnh, Sở Y tế
15	Chỉ số phát triển con người HDI	-	0.77	-	0.77	Thống kê tỉnh
16	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Nghìn LĐ	1,875	-	1,875	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
17	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế	%	100	-	100	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
	+ Nông - Lâm, thủy sản	%	15.5	-	15.5	"
	+ Công nghiệp - Xây dựng	%	51.7	-	51.7	"
	+ Dịch vụ	%	32.8	-	32.8	"
18	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	82.0	-	82.0	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ</i>	%	37.5	-	37.5	"
	<i>Lao động có kỹ năng công nghệ thông tin</i>	%	82	-	82.0	"
19	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2.0	-	2.0	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
20	Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	Bác sỹ	15.1	-	15.1	Sở Y tế
	<i>Số giường bệnh trên 10.000 dân</i>	<i>Giường bệnh</i>	36.8	-	36.8	"
21	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	96.2	-	96.2	Bảo Hiểm xã hội tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
22	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	51.4	-	51.4	Sở Giáo dục và Đào tạo
23	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo dự kiến chuẩn giai đoạn 2026-2030)	%	5	-	5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
24	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Triệu đồng	5.93	-	5.93	Thống kê tình, Sở Tài chính
25	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn	%	83.8	-	83.8	Sở Xây dựng
	Thành thị	%	92.0	-	92.0	Sở Xây dựng
	Nông thôn	%	77.5	-	77.5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Số căn hộ Nhà ở xã hội hoàn thành	Căn hộ	18,139	-	18,139	Sở Xây dựng
III CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG						
27	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	30.9	-	30.9	Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Tỷ lệ các loại chất thải được thu gom và xử lý theo quy định	%	100	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Chất thải công nghiệp thông thường	%	100	-	100	"
-	Chất thải nguy hại	%	100	-	100	"
-	Chất thải y tế	%	96.0	-	96.0	"
-	Chất thải rắn sinh hoạt	%	100	-	100	"
-	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	100	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường

là khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống
"ợc thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban QLDA các KCN
	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	59.4	-	59.4	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương
30	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	92.0	-	92.0	Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Báo cáo thực hiện theo Nghị quyết số 168-169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và mục tiêu của Văn kiện ĐHĐB tỉnh Bắc Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
I VỀ KINH TẾ						
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Tỷ đồng	598,809	273,410	598,809	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	12,5-13	10.56	12.5	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	1.5	0.4	1.52	"
2.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	14.3	12.55	14.74	"
	- Công nghiệp	%	14.3	12.73	13.27	"
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	13.6	12.69	13.11	"
	- Xây dựng	%	15.0	8.78	45	"
2.3	Khu vực dịch vụ	%	8.5	8.18	8.86	"
	<i>Trong đó:</i>					
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	7.9	8.08	9.26	"
	- Vận tải, kho bãi	%	8.5	13.9	15.02	"
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	9.5	13.94	15.35	"
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	8	8.3	8.52	"
	- Hoạt động chuyên môn Khoa học và Công nghệ	%	8	8.17	17.21	"
2.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8.2	5.14	7.06	"
3	GRDP bình quân đầu người	USD	6,350	-	6,530	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
4	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm (IIP)	%	17.5	19.51	17.5	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
5	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	65.5	63.7	65.5	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
6	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	4,100	-	4,100	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
7	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8.5	17.3	8.5	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	18.1	31.5	18.1	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
	<i>Trong đó: Nhóm nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	23	23	23	"
	<i>Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	17.5	31.5	17.5	"
	<i>Nhóm nhiên liệu, khoáng sản</i>	%	0	0	0	"
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%	16.1	39.83	18	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
10	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	2	2	2	Thống kê tỉnh, Sở VH TT & DL
11	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	0.25	0.18	0.25	Thống kê tỉnh, Sở VH TT & DL
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	10	-	10	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
13	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	224,504	81,303	224,504	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
	<i>Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP</i>	%	37.5	29.7	37.5	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
14	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	-	3.0	-	3.0	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
15	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	41	-	41	Thống kê tỉnh, Sở KH&CN
16	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (Tính lý kế)	Triệu USD	212,000	106,395	212,000	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
	Xuất khẩu	Triệu USD	110,000	52,524	110,000	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
	Nhập khẩu	Triệu USD	102,000	53,871	102,000	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
17	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	72,350	54,133,1	80,783	Sở Tài chính
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	57,145	24,782	57,145	Sở Tài chính
18	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%	5	-	5	Sở Tài chính, Sở KH&CN
19	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	5	-	5	Thống kê tỉnh, Sở Công Thương
20	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	Doanh nghiệp	39,351	-	39,351	Sở Tài chính
21	Tỷ lệ đô thị hoá	%	43.6	-	43.6	Sở Xây dựng
22	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥25	-	≥25	Sở Xây dựng
II VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI						
23	Dân số trung bình	Ngàn người	3,647	-	3,647	Thống kê tỉnh, Sở Y tế
24	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	Tuổi	75.1	-	75.1	Thống kê tỉnh, Sở Y tế
25	Chỉ số phát triển con người HDI	-	0.77	-	0.77	Thống kê tỉnh
26	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Triệu đồng	5.93	-	5.93	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính
27	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội trên địa bàn	%	15.5	-	15.5	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
28	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	37.5	-	37.5	Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ
29	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	82	-	82	Sở Nội vụ
30	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	31	-	31	Sở GD&ĐT
31	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	50	-	50	Sở Nội vụ
32	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	điểm %/năm		-		Sở Nông nghiệp và Môi trường
33	Số bác sĩ/vạn dân	Người	15.1	-	15.1	Sở Y tế
34	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	%	100	-	100	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế
35	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	96.2	-	96.2	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế
36	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn	%	83.8	-	83.8	Sở Xây dựng
	Thành thị	%	92.0	-	92.0	Sở Xây dựng
	Nông thôn	%	77.5	-	77.5	Sở Nông nghiệp và Môi trường
37	Số căn hộ Nhà ở xã hội hoàn thành	Căn hộ	18,139	-	18,139	Sở Xây dựng
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
38	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	30.9	-	30.9	Sở Nông nghiệp và Môi trường
39	Tỷ lệ các loại chất thải được thu gom và xử lý theo quy định					Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Chất thải công nghiệp thông thường	%	100	-	100	"
-	Chất thải nguy hại	%	100	-	100	"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Cơ quan cung cấp số liệu
-	Chất thải y tế	%	100	-	100	"
-	Chất thải rắn sinh hoạt	%	96.0	-	96.0	"
-	Chất thải rắn sinh hoạt đổ thị	%	100	-	100	"
40	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban QLDA các KCN
	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	59.4	-	59.4	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương
41	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	30.0	-	30	Sở Nông nghiệp và Môi trường
42	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98	-	98	Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	10	-	10	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương

